

CHƯƠNG 1:

KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

VÀ CÁC KHOẢN THANH TOÁN

(ACCOUNTING FOR CASH,

RECEIVABLES AND PAYABLES)



Chương 1 giúp cho người học hiểu được:

- ❖ Những vấn đề chung về vốn bằng tiền và các khoản thanh toán.
- ❖ Các yêu cầu và nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán.
- ❖ Phương pháp kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán.
- ❖ Trình bày thông tin về vốn bằng tiền và các khoản thanh toán trên Báo cáo tài chính.

Nội dung Chương 1



KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN



KẾ TOÁN NỢ PHẢI THU



KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ



KẾ TOÁN CP TRẢ TRƯỚC VÀ CP PHẢI TRẢ



GIỚI THIỆU VỀ KẾ TOÁN NGOẠI TỆ

Tài liệu tham khảo

- ❖ Luật kế toán số 03/2003/QH11.
- ❖ Một số chuẩn mực kế toán Việt Nam (Chuẩn mực số 01, 18, 21).
- ❖ Thông tư 200/2014/TT-BTC; 228/2009/TT-BTC.
- ❖ Giáo trình Kế Toán tài chính trường Đại học Ngân Hàng.
- ❖ Giáo trình Kế Toán tài chính trường Đại học Kinh tế TP.HCM – PGS.TS Bùi Văn Dương.
- ❖ Báo cáo tài chính của các DN niêm yết.

1.1. Những vấn đề chung





KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

1.1. Những vấn đề chung

Vốn bằng tiền là một bộ phận của Tài sản ngắn hạn được biểu hiện dưới hình thái tiền tệ, bao gồm:

1. Tiền mặt tại quỹ. (Cash on hand)
2. Tiền gửi ngân hàng. (Cash in bank)
3. Tiền đang chuyển. (Cash in transit)



KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

1.1. Những vấn đề chung

Vốn bằng tiền có những **đặc điểm** sau:

- Tính thanh khoản cao nhất trong các loại Tài sản của DN.
- Đáp ứng nhu cầu thanh toán, mua sắm hoặc thực hiện các khoản chi của DN.
- Được phản ánh ở nhóm TK 11–



1.2. Quy trình thu-chi tiền

Xem quy trình trên file



1.3. Yêu cầu và nguyên tắc KT

- Ⓢ DN chọn đồng tiền chính thức ghi sổ KT.
Nếu DN dùng ngoại tệ làm đơn vị tiền tệ thì phải lập BCTC bằng ngoại tệ và VND khi công bố và nộp BCTC.



1.4. Chứng từ KT

- Phiếu thu (receipt voucher)
- Phiếu chi (payment voucher)
- Ủy nhiệm thu
- Ủy nhiệm chi (payment order)
- Giấy báo Nợ (debit note)
- Giấy báo Có (credit note)
- Hóa đơn GTGT... (VAT invoice)



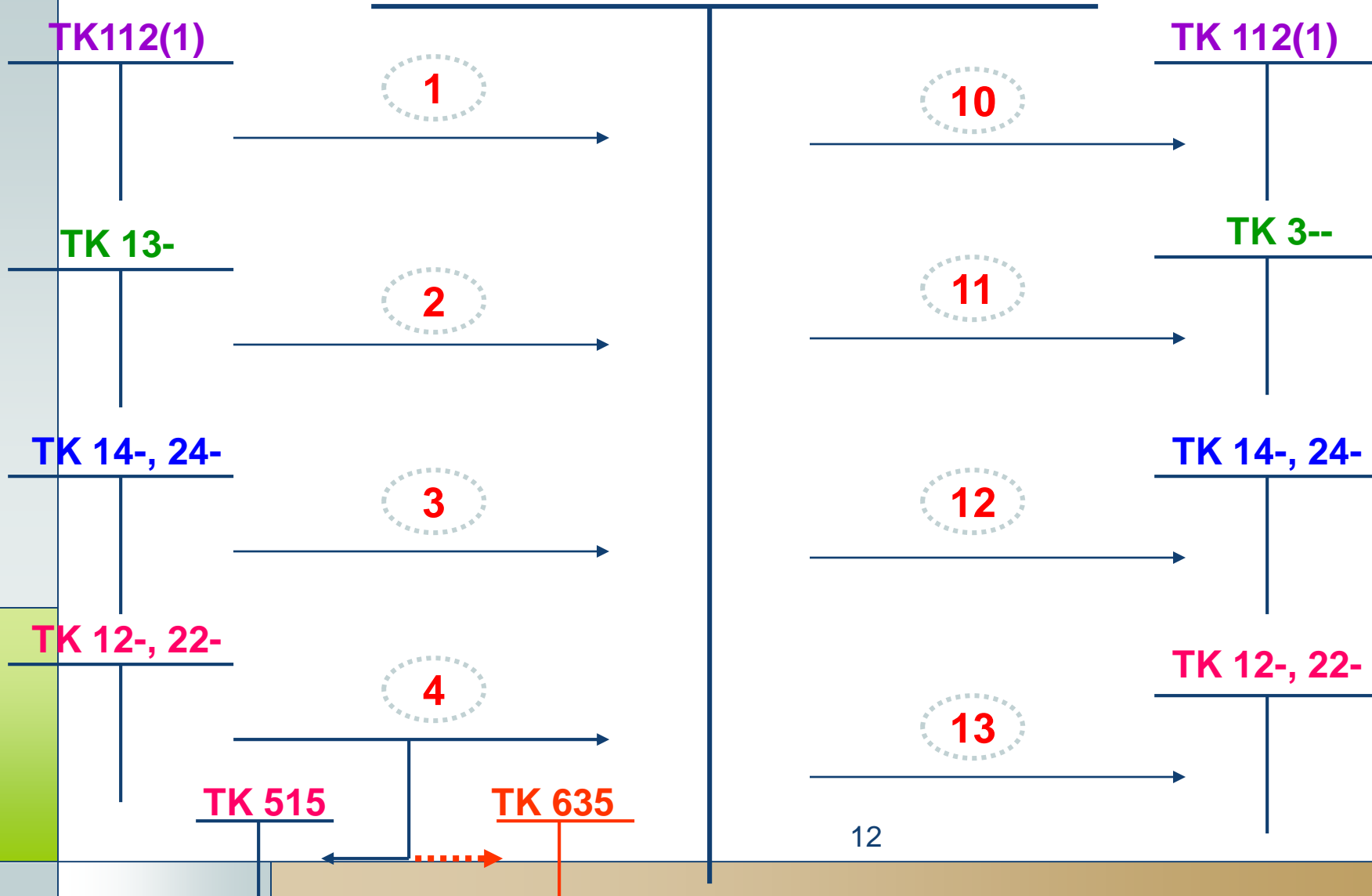
1.5. Tài khoản KT

- TK 111 “ Tiền mặt” (Cash on hand)
- TK 112 “ Tiền gửi ngân hàng” (cash in bank)
- ...



KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

1.6. Sổ kế toán TK 11-





KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

1.6. Sổ kế toán TK 11-

TK 3--

5

TK 15-, 21-

14

133(1)

TK 338(8), 344

6

TK 411

7

TK 6-, 811

15

133(1)

TK 511

8

333(1)



KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

1.6. Sổ kế toán TK 11-

TK 338(1)

9

TK 138(1)

16



1.7. TRÌNH BÀY THÔNG TIN TRÊN BCTC

Bảng cân đối kế toán (The statement of financial position)

A– Tài sản ngắn hạn. (current assets)

I. Tiền và các khoản tương đương tiền. (cash and cash equivalents)



1.7. TRÌNH BÀY THÔNG TIN TRÊN BCTC

Bảng thuyết minh BCTC (The Notes to the financial statements)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong BCĐKT

1. Tiền và tương đương tiền (Cash and cash equivalents)

2. KT Khoản phải thu 13 -

2.1

KT PHẢI THU KHÁCH HÀNG

2.2

KT VAT ĐƯỢC KHẤU TRỪ

2.3

KT DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI



2.1.1 Những vấn đề chung

Phải thu khách hàng (Trade receivables/ Account receivables) gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua–bán.

2.1.1 Những vấn đề chung

Đặc điểm Nợ phải thu khách hàng:

- ⌚ Thường Chiếm tỷ trọng cao nhất.
- ⌚ Phát sinh thường xuyên.
- ⌚ Gặp nhiều rủi ro.



2.1.2 Yêu cầu và nguyên tắc KT

- ⌚ Tổ chức hạch toán chi tiết cho từng khách hàng và ghi chép theo từng lần thanh toán.
- ⌚ Trong trường hợp khách hàng vừa là chủ nợ vừa là con nợ thì có thể thanh toán bù trừ khi có văn bản thoả thuận. Tuy nhiên, khi lập BCTC thì không thể bù trừ được (Phải tách riêng)